

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 189 /SNNPTNT-KHTC

Kiên Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2021

V/v cung cấp số liệu thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020.

Kính gửi:

- Chi cục Kiểm lâm;
- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Chi cục Thủy sản;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

Căn cứ Công văn số 42/STNMT-BVMT ngày 15/01/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp số liệu thực hiện nhiệm vụ lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2020 theo nội dung Phụ lục đính kèm.

Báo cáo đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (thông qua Phòng Kế hoạch - Tài chính), đồng thời gửi kèm file word theo địa chỉ email: hngoc.snn@kiengiang.gov.vn thời gian chậm nhất ngày 08/02/2021 để Sở tổng hợp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Đề nghị các đơn vị nêu trên tổ chức thực hiện theo tinh thần Công văn này./. *Nguyễn*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, hngoc.



Nguyễn Thị Hồng Liên



(Kèm theo Công văn số 189 /SNNPTNT-KHTC ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Sở Nông nghiệp - PTNT)

Số TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ghichú
1	Chi cục Kiểm Lâm		
	Diện tích rừng	Ha	
	Diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Ha	
	Diện tích rừng ngập mặn	Ha	
	Diện tích rừng nguyên sinh	Ha	
	Diện tích các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng địa phương, quốc gia và quốc tế	Ha	
	Diện tích các hệ sinh thái tự nhiên nhạy cảm cần được bảo vệ	Ha	
	Số loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ giảm	Số loài	
	Số loài nguy cấp, quý, hiếm bị tuyệt chủng	Số loài	
	Số nguồn gen quý, có giá trị	Số nguồn gen	
	Số loài ngoại lai xâm hại môi trường	Số loài	
	Số vụ vi phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Số loài	
	Tổng diện tích, tỷ lệ rừng đặc dụng, phòng hộ trên diện tích đất rừng	Ha, %	
	Tỷ lệ, diện tích các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái được phục hồi, tái sinh	%, ha	
	Số lượng và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Số lượng, ha	
	Số lượng và diện tích khu di sản thiên nhiên	Số lượng, ha	
	Số lượng, diện tích các vườn chim, sân chim, vườn sinh thái, khu cảnh quan sinh thái được	Số lượng, ha	

	công nhận, bảo vệ		
	Số loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Số loài	
	Số chương trình, dự án bảo tồn loài nguy cấp, quý hiếm thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ được thực hiện	Số chương trình/dự án	
	Số lượng nguồn gen quý, có giá trị được phụ chồi	Số nguồn gen	
	Diện tích rừng thay thế khi thực hiện dự án	Ha	
	Diện tích cây trồng biến đổi gen	Ha	
	Số loài ngoại lai xâm hại môi trường đã được diệt trừ	Số loài	
	Số cây di sản được vinh danh	Số cây	
	Số giống cây trồng, vật nuôi quý hiếm	Số giống	
	Tổng kinh phí đầu tư cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Triệu đồng	Trong năm
	Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Triệu đồng	
2	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
	Tổng diện tích đất trồng trọt	Ha	
	Tổng sản lượng lương thực	Tấn	Trong năm
	Tổng lượng phân bón vô cơ sử dụng	Tấn	Trong năm
	Tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng	Tấn	Trong năm
	Tổng lượng phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ (rom, rạ, tro, trấu, vỏ củ quả...)	Tấn	Chỉ tính rom rạ, trấu
	Số lượng và công suất các kho chứa, lưu giữ hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật, các chất nguy hại khác	Số lượng, tấn	
	Số lượng, tỷ lệ phụ phẩm nông nghiệp thải bỏ (rom, rạ, tro, trấu, vỏ củ quả...) được sử dụng,	Tấn, %	Trong năm

	tái chế		
	Số lượng, tỷ lệ bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường	Tấn, %	Trong năm
	Diện tích và tỷ lệ đất bị nhiễm độc, tồn dư dioxin, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, các chất gây ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phụ chồi	Ha, %	
	Diện tích và tỷ lệ đất hoang mạc hóa được cải tạo, phục hồi	Ha, %	Trong năm
	Số lượng khu vực ô nhiễm môi trường tồn lưu được xử lý	Số lượng	Trong năm
	Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Triệu đồng	
3	Chi cục Thủy sản		
	Tổng diện tích mặt nước và sản lượng nuôi trồng thủy sản	Ha, tấn	
	Tổng lượng thuốc thủy sản sử dụng	Tấn	Trong năm
	Tổng lượng thức ăn thủy sản sử dụng	Tấn	
	Diện tích các thảm cỏ biển	Ha	
	Diện tích rạn san hô	Ha	
	Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Triệu đồng	
4	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		
	Tổng lượng thức ăn chăn nuôi sử dụng	Tấn	
	Tổng lượng thuốc thú y sử dụng	Tấn	
	Số lượng các trạm quan trắc tự động, liên tục môi trường nước mặt	Số lượng	
	Số lượng cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường	Số lượng	

	Số lượng phòng thí nghiệm được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025	Số lượng	
	Tổng kinh phí chi cho hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Triệu đồng	Trong năm
	Tổng kinh phí đầu tư phát triển mạng lưới quan trắc và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường	Triệu đồng	

....., ngày tháng năm 2019

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)